

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 14/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm, ông Nguyễn Ngọc Uyên và ông Trần Quang Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Nguyệt L (tên gọi khác: Lạnh, **Lê Thị L1**) - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tại Phú Yên; Nơi thường trú: **Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**; Chỗ ở hiện nay: **Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Đình T** (chết) và bà **Trương Thị X**, sinh năm 1953; Có chồng **Nguyễn Tấn Q** (đã ly hôn) và 03 con: lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/02/2022 tại trại tạm giam **Công an tỉnh P**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Nguyệt L: Ông **Nguyễn Hương Q1** – Luật sư **Công ty TNHH một thành viên P** thuộc **đoàn luật sư tỉnh P**. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Đoàn Văn H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: D D, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bà Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Mỹ H1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Bà Võ Thị Mỹ T2, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Bà Võ Thị Mỹ S, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Ông Phạm Châu T3, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Bà Trương Thị X, sinh năm 1953; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Nguyệt L có hoạt động vay tiền của người này cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch tiền lãi, đến năm 2019 nhiều người không trả tiền vay cho L, dẫn đến L lãnh mất khả năng trả nợ cho những người đã vay. Từ tháng 3/2020, L nảy sinh ý định vay tiền, tham gia chơi huê rồi hót huê trả nợ và tiêu xài cá nhân, để những người L lãnh hỏi tin tưởng cho vay tiền và cho chơi huê L nói dối vay tiền để cho người khác vay lại đảo hạn ngân hàng và hứa hẹn thời gian trả nợ, ban đầu L lãnh trả tiền lãi, tiền gốc, đóng tiền huê đầy đủ nên Hồ Thị N, Võ Thị Thanh T1, Nguyễn Đoàn Văn H tin tưởng cho L vay, cho chơi huê, đến 7/2021 L không vay được tiền của ai nữa nên bỏ đi khỏi địa phương chiếm đoạt của Năm, T1, H tổng số 5.741.600.000 đồng, cụ thể như sau:

Đối với **Hồ Thị N**: Ngày 15/3/2020, **L** vay 100.000.000 đồng, hạn 10 tháng trả; Ngày 04/9/2020, **L** vay 100.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả; Ngày 23/4/2021, **L** vay 200.000.000 đồng, hạn 04 tháng trả, **L** đã trả 120.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng; Lãnh tham gia chơi 07 dây huê do **N** làm chủ cái rồi hốt huê tổng cộng 697.500.000 đồng nhưng chỉ đóng trước và sau khi hốt huê 398.400.000 đồng. Chiếm đoạt 579.100.000 đồng.

Đối với **Võ Thị Thanh T1**: Ngày 15/4/2021, **L** vay 300.000.000 đồng, hạn 04 tháng trả, **L** đã trả 37.500.000.00 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, còn 262.500.000 đồng; Ngày 23/6/2021, **L** vay 1.200.000.000 đồng, hạn 15 ngày trả; Ngày 25/6/2021, **L** vay 500.000.000 đồng, hạn 10 ngày trả. Chiếm đoạt 1.962.500.000 đồng.

Đối với **Nguyễn Đoàn Văn H**: Ngày 24/5/2021, **L** vay 2.000.000.000 đồng, hạn 60 ngày trả; Ngày 17/6/2021, **L** nhắn tin cho **H** “Ngày mai làm khoảng 1 tỷ 2 năm ngày nha”; “mỗi 1 tỷ 2 ngày mai em làm hay chờ thứ 2 làm mỗi 1 tỷ 7, làm tầm 05 ngày à”, **H** tin thật nên ngày 18/6/2021 cho **L** vay 1.200.000.000 đồng. Chiếm đoạt 3.200.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt của Năm, **T1**, **H**, **L** sử dụng trả nợ cho **Trần Thị Ú** và một số người khác, tiêu xài cá nhân. Đến thời hạn trả nợ không thấy **L** trả và không liên lạc được nên **N**, **T1**, **H** làm đơn tố giác Lãnh.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSPY-P1 ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; phạt bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** từ 15 đến 16 năm tù.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen; tên kiểu thiết bị Galaxy A72; số kiểu máy SM-A725F/DS; số seri R58R345S98W; số IMEI (khe 1) 357843231006299, số IMEI (khe 2) 353546291006299; Tình trạng: không có thẻ sim; tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bị cáo và các bị hại; Buộc bị cáo phải trả cho các bị hại ông **Nguyễn Đoàn Văn H** số tiền 4.580.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 3.200.000.000đ, số tiền 1.380.000.000đ là quan hệ dân sự); bà **Nguyễn Thị Thanh T4** số tiền 1.962.500.000đ; bà **Hồ Thị N** số tiền: 1.010.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 579.100.000, số tiền 430.900.000đ là quan hệ dân sự). Tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường là 7.552.500.000đ, trừ đi số tiền mà bị cáo và gia đình đã nộp khắc phục, còn lại buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo, luật sư **Nguyễn Hương Q1** trình bày: Bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là liệt sĩ; bị cáo đã ly hôn và phải nuôi 3 con nhỏ, bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị cáo, người bào chữa của bị cáo và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2021, trên địa bàn thị xã S và thành phố T, tỉnh Phú Yên, Lê Thị Nguyệt L đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 5.741.600.000 đồng của các bị hại Hồ Thị N 579.100.000 đồng; Võ Thị Thanh T1 1.962.500.000 đồng; Nguyễn Đoàn Văn H 3.200.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố Lê Thị Nguyệt L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng tội.

[3] Bị cáo Lê Thị Nguyệt L là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân, xem thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác, dùng thủ đoạn gian dối để nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự - an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả 284.187.090 đồng và tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền 217.153.424đ của bị cáo hiện cơ quan thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên tạm giữ; có ông nội là liệt sĩ nên áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Đoàn Văn H yêu cầu bị cáo Lê Thị Nguyệt L trả số tiền 4.580.000.000đ; Bà Võ Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo L trả số tiền 1.962.500.000đ; Bà Hồ Thị N yêu cầu bị cáo L trả số tiền 1.010.000.000đ. Bị cáo Lê Thị Nguyệt L chấp nhận yêu cầu bồi thường của các bị hại. Xét sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự nên ghi nhận sự thỏa thuận; buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại ông Nguyễn Đoàn Văn H số tiền 4.580.000.000đ; bà Võ Thị Thanh T1 số tiền 1.962.500.000đ; bà Hồ Thị N số tiền 1.010.000.000đ. Tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường là 7.552.500.000đ. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và gia

đình đã khắc phục bồi thường số tiền 284.187.090đ. Ngoài ra, theo công văn số 80/CCTHADS ngày 10/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, bị cáo được nhận số tiền thi hành án là 217.153.424đ, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà đang tạm giữ; tại phiên toà bị cáo đồng ý dùng số tiền này để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Như vậy, tổng số tiền bị cáo đã bồi thường khắc phục là 501.340.514đ, còn tiếp tục phải bồi thường 7.051.159.486đ.

Tạm giữ số tiền 501.340.514đ của bị cáo và gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả, cụ thể: bà **Trương Thị X** nộp (thay cho bị cáo **Lê Thị Nguyệt L**) số tiền 165.000.000 nộp vào tài khoản số 394909040469 của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên: vào ngày 07/3/2022, nộp số tiền 30.000.000đ và 20.000.000đ; ngày 06/4/2022, nộp số tiền 20.000.000đ; ngày 29/4/2022 nộp số tiền 10.000.000đ, ngày 24/5/2022, nộp số tiền 20.000.000đ; ngày 30/6/2022, nộp số tiền 20.000.000đ; ngày 14/7/2022, nộp số tiền 45.000.000đ và số tiền 80.000.000đ tại biên lai số 0000237 ngày 09/02/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; số tiền 39.187.090đ của chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu nộp vào tài khoản số 394909040469 của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** mở tại **Kho bạc nhà nước tỉnh P** ngày 16/6/2022; số tiền 217.153.424đ bị cáo được nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 bì thư dán kín, đã được niêm phong có chữ ký đóng dấu của điều tra viên **Nguyễn Thành K** thuộc Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh P**, bên trong bì thư là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen, tên kiểu thiết bị Galaxy A72, số kiểu máy SM-A725F/DS, số seri R58R345S98W, số IMEI (khe 1) 357843231006299, số IMEI (khe 2) 353546291006299, tình trạng: không có thẻ sim. Bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự và nghĩa vụ nộp án phí, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án theo điểm b, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Vật chứng có đặc điểm như miêu tả trong biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/8/2022 của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh P**).

[6] Về án phí: Bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo còn phải bồi thường 7.051.159.486 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 112.000.000đ + 0,1% giá trị vượt 4.000.000.000đ

$(3.051.159.486 \times 0,1\%) = 115.051.159$ đồng theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với lời khai của **Lê Thị Nguyệt L**: **Võ Thị Thanh T1** cho vay 1.200.000.000 đồng với lãi suất 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm, **L** đã ứng trả 50.000.000 đồng tiền lãi cho **T1** chứ chưa tính cụ thể. Ngoài lời khai của **L**, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý **T1** về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

1. Về hình phạt: Áp dụng: điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Nguyệt L** – 13 (Mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại ông **Nguyễn Đoàn Văn H** số tiền 4.580.000.000đ (*Bốn tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng*); bà **Võ Thị Thanh T1** số tiền 1.962.500.000đ (*Một tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*); bà **Hồ Thị N** số tiền 1.010.000.000đ (*Một tỷ không trăm mười triệu đồng*). Tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường là: 7.552.500.000đ (*Bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), đã bồi thường 501.340.514đ (*Năm trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười bốn đồng*), còn tiếp tục phải bồi thường 7.051.159.486đ (*Bảy tỷ không trăm năm mươi một triệu một trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*).

Tạm giữ số tiền 501.340.514đ (*Năm trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười bốn đồng*) của bị cáo và gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả, cụ thể: bà **Trương Thị X** nộp (thay cho bị cáo **Lê Thị Nguyệt L**) số tiền 165.000.000 nộp vào tài khoản số 394909040469 của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên: vào ngày 07/3/2022, nộp số tiền 30.000.000đ và 20.000.000đ; ngày 06/4/2022, nộp số tiền 20.000.000đ; ngày 29/4/2022 nộp số tiền 10.000.000đ, ngày 24/5/2022, nộp số

tiền 20.000.000đ; ngày 30/6/2022, nộp số tiền 20.000.000đ; ngày 14/7/2022, nộp số tiền 45.000.000đ và số tiền 80.000.000đ tại biên lai thu tiền số 0000237 ngày 09/02/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; số tiền 39.187.090đ của chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu nộp vào tài khoản số 394909040469 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh P ngày 16/6/2022; số tiền 217.153.424đ bị cáo được nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen; tên kiểu thiết bị Galaxy A72; số kiểu máy SM-A725F/DS; số seri R58R345S98W; số IMEI (khe 1) 357843231006299, số IMEI (khe 2) 353546291006299. Tình trạng: không có thẻ sim (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Vật chứng có đặc điểm như miêu tả trong biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/8/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Nguyệt L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 115.051.159 (Một trăm mười lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND cấp cao tại ĐN(1);
- VKSND cấp cao tại ĐN (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- PV 06 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS;

Nguyễn Việt Hùng